TONGMYONG UNIVERSITY

SPRING 2027

HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2027

HƯỚNG DẪN THÔNG TIN TUYỂN SINH DÀNH CHO SINH VIÊN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

International Admissions Guide





YOUR DREAM, YOUR UNIVERSITY

TONGMYONG UNIVERSITY BUSAN, KOREA

STAY IN BUSAN

Cảng thương mại lớn nhất và là thành phố lớn thứ 2 của Hàn Quốc

STUDY IN TU

Trường đại học tiên phong trong giáo dục đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp toàn cầu.

Khởi đầu hành trình tri thức mới tại Busan
Cùng Đại học Tongmyong phát triển và trưởng thành

TONGMYONG UNIVERSITY

HỌC TẬP

Hãy bắt đầu hành trình học tập mới tại Trường Đại học Tongmyong, tọa lạc tại thành phố Busan.

SINH HOẠT

Hãy bắt đầu cuộc sống đại học mới tại Busan, nơi biển cả hòa quyện cùng nhịp sống đô thị hiện đại.

TRẢI NGHIỆM

Hãy khám phá vẻ đẹp tuyệt vời của những bờ biển và nền văn hóa đa dạng, phong phú của Busan.

GIAO LƯU

Hãy mở rộng tầm nhìn và nâng cao hiểu biết thông qua việc giao lưu với sinh viên đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau tại Trường Đại học Tongmyong.

ĐƯỢC CÔNG NHẬN VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VƯỢT TRỘI

5 SAO

XẾP HẠNG TỔNG THỂ QS STARS

Trải qua quá trình đánh giá độc lập theo hệ thống QS Stars, Trường Đại học Tongmyong đã đạt **xếp hạng tổng thể 5 sao.**

GIỚI THIỆU VỀ QS STARS

QS Stars là hệ thống đánh giá chất lượng giáo dục đại học do **QS (Quacquarelli Symonds),** tổ chức quốc tế chuyên về phân tích và đánh giá giáo dục đại học, phát triển. Hệ thống này đánh giá các trường đại học dựa trên những tiêu chuẩn quốc tế, thông qua xếp hạng tổng thể và các hạng mục chuyên biệt như chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất và triển vọng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp. Qua đó, QS Stars góp phần làm nổi bật những thế mạnh và giá trị đặc trưng của mỗi cơ sở giáo dục đại học, bổ sung góc nhìn đánh giá đa chiều bên cạnh các bảng xếp hạng đại học truyền thống.

XẾP HẠNG THEO TỪNG HẠNG MỤC

CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY	★★★★★	CƠ SỞ VẬT CHẤT	★★★★★
TÁC ĐỘNG XÃ HỘI	★★★★★	PHÁT TRIỂN HỌC THUẬT	★★★★★
TRIỂN VỌNG VIỆC LÀM	★★★★★		

QS Bảng xếp hạng thế giới 2026

Trường Đại học Tongmyong được xếp hạng trong cả **Bảng xếp hạng Đại học Thế giới QS 2026 (QS World University Rankings 2026)** và **Bảng xếp hạng Đại học Châu Á QS 2026 (QS Asia University Rankings 2026)**. Trường Đại học Tongmyong là một trong **43 trường đại học của Hàn Quốc** góp mặt trong Bảng xếp hạng Đại học Thế giới QS năm 2026

Bảng xếp hạng WURI 2026

XẾP HẠNG TỔNG THỂ:

130

Tăng 38 bậc so với năm 2025

Trường Đại học Tongmyong xếp thứ **130 trong bảng xếp hạng WURI 2026**, tăng **38 bậc so với năm 2025**. Thành tích này phản ánh cam kết của nhà trường trong việc thúc đẩy tính sáng tạo và đổi mới trong giáo dục đại học.

CHỨNG NHẬN IEQAS

Hệ thống Đảm bảo Chất lượng Giáo dục Quốc tế

Trường Đại học Tongmyong được chứng nhận theo **Hệ thống Đảm bảo Chất lượng Giáo dục Quốc tế (International Education Quality Assurance System – IEQAS)** của Hàn Quốc. Chứng nhận này ghi nhận năng lực của nhà trường trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ sinh viên quốc tế và đáp ứng các tiêu chuẩn về quốc tế hóa giáo dục cũng như công tác quản lý sinh viên quốc tế.



HỆ ĐẠI HỌC [Undergraduate Course]

1. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ NHẬP HỌC

THÀNH PHẦN	HỌC KỲ 1-2027 (THÁNG 3)	
	ĐỢT 1	ĐỢT 2
Đăng ký và nộp hồ sơ đăng ký nhập học	2026.9.21.(thứ 2) ~ 10.6.(thứ 3)	2026.10.20.(thứ 3) ~ 11.20.(thứ 6)
	* Cách thức nộp hồ sơ đăng ký nhập học: đăng ký online thông qua Uway và nộp hồ sơ gốc qua bưu điện	
Xét duyệt hồ sơ	2026.10.7.(thứ 4) ~ 10.19.(thứ 2)	2026.11.23.(thứ 2) ~ 12.10.(thứ 5)
Thông báo trúng tuyển	10.21.(thứ 4)	12.14.(thứ 2)
Người trúng tuyển nộp học phí	10.21.(thứ 4) ~ 10.28.(thứ 4)	12.14.(thứ 2) ~ 12.24.(thứ 5)
Khai giảng	2027.3.2.(thứ 3)	

* Lịch trình có thể thay đổi tùy theo tình hình của trường và tiến độ tuyển sinh(mọi thay đổi sẽ được thông báo trên website của trường).

2-1. KHOA TUYỂN SINH/ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH (HỆ ĐÀO TẠO BẰNG TIẾNG ANH)

ĐẠI HỌC	KHOA TUYỂN SINH	KHỐI NGÀNH	NHẬP HỌC MỚI	CHUYỂN TIẾP	CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
Busan International College	School of Business [Marketing] [International Business & Management] [Supply Chain Management] [AI & Intelligent Business Systems] [Advanced Financial Literacy]	Xã hội và nhân văn	○	○	chỉ tiêu tuyển sinh không giới hạn
	School of Engineering Dept. of AI and Software Engineering [Blockchain & DeFi]	Kỹ thuật	○	○	
	School of Engineering Dept. of Mechanical and Automotive Engineering	Kỹ thuật	○	○	
	Dept. of Maritime Economics and Finance	Xã hội và nhân văn	○		
	Dept. of Port and Logistics Management [Chương trình đào tạo liên kết 2+2]	Xã hội và nhân văn		○	

2-2. KHOA TUYỂN SINH/ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH (HỆ ĐÀO TẠO BẰNG TIẾNG HÀN)

ĐẠI HỌC	KHOA TUYỂN SINH	KHỐI NGÀNH	NHẬP HỌC MỚI	CHUYỂN TIẾP	CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
Busan International College	School of Korean Studies	Xã hội và nhân văn	○	○	chỉ tiêu tuyển sinh không giới hạn
Đại học Giáo dục Phúc lợi xã hội	Khoa hoạt động trị liệu	Tự nhiên	○	○	
	Khoa cứu hộ cấp cứu	Tự nhiên	○	○	
	Khoa Trị liệu ngôn ngữ và Phục hồi chức năng thính giác	Tự nhiên	○	○	
	Khoa Phục hồi chức năng thể thao	Năng khiếu	○	○	
	Khoa Tư vấn Tâm lý học·lâm sàng	Xã hội và nhân văn	○	○	
	Khoa Phúc lợi xã hội	Xã hội và nhân văn	○	○	
	Khoa Giáo dục mầm non	Xã hội và nhân văn	○	○	
Đại học Nghệ thuật làm đẹp	Khoa Chăm sóc Sắc đẹp	Năng khiếu	○	○	
	Khoa Thiết kế Tóc	Năng khiếu	○	○	
	Khoa Thiết kế Trang điểm	Năng khiếu	○	○	
	Khoa K-Beauty (Chương trình đào tạo song ngữ dành riêng cho sinh viên người nước ngoài)	Năng khiếu	○		
	Khoa Nghệ thuật Văn hóa [Ngành Webtoon] [Ngành Hoạt hình] [Ngành Minh họa Nghệ thuật]	Năng khiếu	○	○	
	Khoa Nội dung Văn hóa	Xã hội và nhân văn	○	○	
	Khoa Truyền thông	Xã hội và nhân văn	○	○	
Đại học Thiết kế Đời sống	Khoa Chăm sóc Thú cưng [Ngành Làm đẹp & Điều chỉnh hành vi thú cưng] [Ngành Thiết kế Thú cưng]	Tự nhiên	○	○	
	Khoa Nghệ thuật Ẩm thực & Chế biến món ăn [Ngành Ẩm thực & làm bánh Khách sạn] [Ngành Chế biến Thức ăn cho Thú cưng]	Tự nhiên	○	○	
	Khoa Kiến trúc	Kỹ thuật	○	○	
	Khoa Kiến trúc Nội thất	Kỹ thuật	○	○	
	Khoa Game [Ngành Đồ họa Game] [Ngành Game]	Năng khiếu	○	○	

ĐẠI HỌC	KHOA TUYỂN SINH	KHỐI NGÀNH	NHẬP HỌC MỚI	CHUYỂN TIẾP	CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
Đại học Kỹ thuật AI	Khoa Hệ thống Logistics Cảng biển	Kỹ thuật	○	○	chỉ tiêu tuyển sinh không giới hạn
	Khoa Kỹ thuật Công nghệ Thông tin Hàng hải	Kỹ thuật	○		
	Khoa Kỹ thuật Điều khiển Điện	Kỹ thuật	○	○	
	Khoa Kỹ thuật Điện lạnh & Điều hòa Không khí	Kỹ thuật	○	○	
	Khoa Kỹ thuật Ô tô	Kỹ thuật	○	○	
	Khoa Kỹ thuật Kiến trúc	Kỹ thuật	○	○	
Đại học Sáng tạo Tổng hợp	Khoa Quản trị Kinh doanh [Ngành Du lịch biển] [Ngành Quản trị kinh doanh & Logistics]	Xã hội và nhân văn	○	○	
	Khoa Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng Hàng hải	Kỹ thuật	○		
	Khoa K-Sports Taekwondo	Năng khiếu	○	○	
	Khoa Thể thao Tổng hợp	Năng khiếu	○	○	

* Sinh viên muốn đăng ký nhập học chương trình đào tạo song ngữ cần liên lạc và trao đổi riêng với Viện Quan hệ và Hợp tác Quốc tế.

3. PHÍ XÉT TUYỂN/ HỌC PHÍ/ HỌC BỔNG

*** Nội dung dưới đây có thể thay đổi tùy theo tình hình của trường.**

PHÍ XÉT DUYỆT HỒ SƠ 70,000krw (thanh toán luôn khi đăng ký nhập học online, phí xét duyệt hồ sơ đã nộp sẽ không được hoàn trả lại)

HỌC PHÍ

KHỐI NGHÀNH	HỌC PHÍ (nhập học mới/chuyển tiếp)
Xã hội và nhân văn	3,000,000krw
Tất cả các khối ngành (ngoại trừ khối ngành xã hội và nhân văn)	4,150,000krw
Năng khiếu (Khoa phục hồi chức năng thể thao)	3,600,000krw

HỌC BỔNG

LOẠI HỌC BỔNG	TIÊU CHUẨN TUYỂN CHỌN	TỶ LỆ HỌC BỔNG (GIẢM HỌC PHÍ)
Học bổng cho sinh viên nước ngoài loại A	• TOPIK (bao gồm IBT) cấp 6 • TOEFL 620 (IBT 105), IELTS 7.5, TEPS 800 trở lên	Giảm 100%
Học bổng cho sinh viên nước ngoài loại B	• TOPIK (bao gồm IBT) cấp 5 • TOEFL 580 (IBT 90), IELTS 6.5, TEPS 700 trở lên	Giảm 70%
Học bổng cho sinh viên nước ngoài loại C	• TOPIK (bao gồm IBT) cấp 4 • TOEFL 560 (IBT 85), IELTS 6.0, TEPS 650 trở lên	Giảm 50%
Học bổng cho sinh viên nước ngoài loại D	• TOPIK (bao gồm IBT) cấp 3 • TOEFL 550 (IBT 80), IELTS 5.5, TEPS 600 trở lên	Giảm 40%
Học bổng cho sinh viên nước ngoài loại E	Thí sinh không đáp ứng các tiêu chí trên (không có chứng chỉ ngôn ngữ)	Giảm 30%

* Sau khi nhập học, học bổng dành cho sinh viên người nước ngoài nêu trên vẫn sẽ tiếp tục được duy trì liên tục trong các học kỳ chính thức nếu **[sinh viên hoàn thành đủ tối thiểu từ 12 tín chỉ trở lên và có điểm trung bình GPA từ 2.5 trở lên]** ở học kỳ trước. Tuy nhiên, chứng chỉ TOPIK (bao gồm cả IBT) **phải còn hạn cho đến sau ngày khai giảng của mỗi học kỳ.**

4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TUYỂN CHỌN

CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NHẬP HỌC - ĐĂNG KÝ ONLINE

- Cách thức đăng ký và nộp hồ sơ : đăng ký online thông qua trang đăng ký trực tuyến https://www.uwayapply.com/
- Quy trình đăng ký nhập học online

① Đăng ký tài khoản/ Login → ② Lựa chọn khoa và hệ đăng ký nhập học → ③ Điền đơn đăng ký online ④ Upload hồ sơ ⑤ Thanh toán phí xét tuyển → ⑥ Hoàn tất nộp hồ sơ/kiểm tra xác nhận số báo danh ⑦ Nộp hồ sơ gốc

HỆ SAU ĐẠI HỌC [Postgraduate Course]

1. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ NHẬP HỌC

THÀNH PHẦN	ĐỢT 1	ĐỢT 2
Đăng ký và nộp hồ sơ đăng ký nhập học	2026.9.21.(thứ 2) ~ 10.6.(thứ 3)	2026.10.23.(thứ 6) ~ 11.20.(thứ 6)
	* Cách thức nộp hồ sơ đăng ký nhập học: đăng ký online thông qua Uway và nộp hồ sơ gốc qua bưu điện	
Xét duyệt hồ sơ và phỏng vấn	2026.10.7.(thứ 4) ~ 10.19.(thứ 2)	2026.11.23.(thứ 2) ~ 12.10.(thứ 5)
Thông báo trúng tuyển	10.21.(thứ 4)	12.14.(thứ 2)
Người trúng tuyển nộp học phí	10.21.(thứ 4) ~ 10.28.(thứ 4)	12.14.(thứ 2) ~ 12.24.(thứ 5)
Khai giảng	2027.3.2.(thứ 3)	

* Lịch trình có thể thay đổi tùy theo tình hình của trường và tiến độ tuyển sinh (mọi thay đổi sẽ được thông báo trên website của trường).

2. KHOA TUYỂN SINH

HỆ CAO HỌC	KHỐI NGHÀNH	KHOA TUYỂN SINH	THẠC SĨ		TIẾN SĨ	
			NHẬP HỌC MỚI	CHUYỂN TIẾP	NHẬP HỌC MỚI	CHUYỂN TIẾP
HỆ CAO HỌC CHÍNH QUY (THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2 NĂM) (CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẰNG TIẾNG HÀN)	Khối kỹ thuật	Khoa Kỹ thuật Truyền thông Máy tính	O	O	O	O
		Khoa Kỹ thuật truyền thông thông tin điện tử	O	O	O	O
		Khoa Kỹ thuật hệ thống máy móc	O	O	O	O
		Khoa Kỹ thuật tàu biển và hàng hải	O	O	X	X
		Khoa Hệ thống lưu thông hậu cần cảng biển	O	O	O	O
		Khoa Kỹ thuật Lạnh và Điều hòa không khí	O	X	X	X
		Khoa Kiến trúc	O	O	O	O
		Khoa Công nghệ Kiến trúc	O	O	O	O
	Khối xã hội và nhân văn	Khoa Quản trị kinh doanh	O	O	O	O
		Khoa Quản trị Khách sạn, du lịch	O	O	O	O
		Khoa Quảng cáo hình ảnh ngôn luận	O	O	O	O
		Khoa Nội dung Nhân văn Quốc tế	O	X	O	X
		Khoa Tư vấn Tâm lý học·lâm sàng	O	O	O	O
		Khoa Hàn Quốc học	O	O	O	O
		Khoa Chính sách An ninh	O	X	O	X
	Khối năng khiếu	Khoa Thiết kế	O	O	O	O
		Khoa Nghệ thuật trang điểm và làm đẹp	O	X	O	O
		Khoa khoa học thể thao	O	X	X	X
	Khối Khoa học tự nhiên	Khoa chăm sóc Sức khỏe Thú cưng	O	X	X	X
HỆ CAO HỌC PHÚC LỢI XÃ HỘI (THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2 NĂM 6 THÁNG) (CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẰNG TIẾNG HÀN)	Khối xã hội và nhân văn	Khoa Phúc lợi xã hội	O	O	X	X
		Khoa Giáo dục mầm non	O	O	X	X
	Khối năng khiếu	Khoa Công nghiệp Giải trí K-Pop	O	X	X	X
	Khối Khoa học tự nhiên	Khoa Chăm sóc, làm đẹp và huấn luyện hành vi thú cưng	O	X	X	X
		Khoa Trị liệu ngôn ngữ và phục hồi thính giác	O	X	X	X
HỆ CAO HỌC QUỐC TẾ (THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2 NĂM) (CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẰNG TIẾNG ANH)	Khối xã hội và nhân văn	Khoa Kinh doanh toàn cầu (Chuyên ngành Kinh doanh và Logistic toàn cầu) (Chuyên ngành Quản lý Cảng và Logistics)	O	O	X	X
	Khối kỹ thuật	Khoa AI tổng hợp	O	O	X	X
	Khối kỹ thuật	Khoa Nghệ thuật làm đẹp và Mỹ phẩm K-Beauty	O	X	X	X

3. PHÍ XÉT DUYỆT HỒ SƠ/ HỌC PHÍ/ HỌC BỔNG

***Nội dung dưới đây có thể thay đổi tùy theo tình hình của trường.**

PHÍ XÉT DUYỆT HỒ SƠ

HỆ ĐÀO TẠO	PHÍ XÉT TUYỂN HỒ SƠ	KHÁC
HỆ THẠC SĨ	70,000krw	Thanh toán trên hệ thống đăng ký nhập học online
HỆ TIẾN SĨ	70,000krw	

HỌC PHÍ

HỆ ĐÀO TẠO	KHỐI NGHÀNH	PHÍ ĐĂNG KÝ NHẬP HỌC	HỌC PHÍ
HỆ THẠC SĨ	Xã hội và nhân văn	550,000krw	2,852,000krw
	Kỹ thuật/Năng khiếu	550,000krw	3,661,000krw
	Tự nhiên	550,000krw	3,468,000krw
HỆ TIẾN SĨ	Xã hội và nhân văn	550,000krw	2,925,000krw
	Kỹ thuật/Năng khiếu	550,000krw	3,855,000krw

HỌC BỔNG

LOẠI HỌC BỔNG	TIÊU CHUẨN TUYỂN CHỌN	TIÊU CHUẨN TUYỂN CHỌN
Học bổng Tongmyong	Sinh viên đã từng tốt nghiệp Đại học hoặc hệ Sau Đại học tại trường Đại học Tongmyong hoặc là sinh viên được cơ quan có ký liên kết hợp tác với trường tiến cử.	Miễn toàn bộ phí đăng ký nhập học
Học bổng Welcome	Chỉ áp dụng cấp học bổng cho học kỳ đầu tiên đối với sinh viên mới nhập học (từ học kỳ thứ 2 trở đi, học bổng sẽ được cấp theo tiêu chuẩn đánh giá học bổng dành cho sinh viên đang theo học).	Giảm 30% học phí
Học bổng dành cho sinh viên người nước ngoài loại A	Sinh viên người nước ngoài có điểm của học kỳ trước trên 3.8/4.5 và có bằng TOPIK cấp 4, hoặc IELTS 6.0, TOEFL iBT 85, TOEFL PBT 563, TEPS 600 trở lên.	Giảm 30% học phí
Học bổng dành cho sinh viên người nước ngoài loại B	Sinh viên người nước ngoài có điểm của học kỳ trước trên 3.8/4.5 và có bằng TOPIK cấp 3, hoặc IELTS 5.5, TOEFL iBT 80, TOEFL PBT 550, TEPS 550 trở lên.	Giảm 20% học phí

* Sinh viên được nhận học bổng loại A hoặc B khi nhập học sẽ được duy trì học bổng liên tục theo cùng 1 tiêu chí cho tất cả các học kỳ còn lại đến khi tốt nghiệp.
  Tuy nhiên, nếu sinh viên xin bảo lưu (nghỉ học tạm thời), khi nhập học lại bắt buộc phải nộp lại chứng chỉ chứng minh năng lực ngôn ngữ còn hạn tính đến sau ngày khai giảng của học kỳ dự định đăng ký nhập học lại.
* Sinh viên nhận được mức học bổng loại B khi nhập học, nếu trong quá trình học đạt được chứng chỉ năng lực ngôn ngữ tương ứng với điều kiện của mức học bổng loại A thì sinh viên sẽ được nhận học bổng loại A bắt đầu từ kỳ học tiếp theo.

4. CÁCH THỨ NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NHẬP HỌC

ĐĂNG KÝ ONLINE

- Cách thức đăng ký và nộp hồ sơ : đăng ký online thông qua trang đăng ký trực tuyến https://www.uwayapply.com/
- Quy trình đăng ký nhập học online

① Đăng ký tài khoản/ Login → ② Lựa chọn khoa và hệ đăng ký nhập học → ③ Điền đơn đăng ký online ④ Upload hồ sơ ⑤ Thanh toán phí xét tuyển → ⑥ Hoàn tất nộp hồ sơ/kiểm tra xác nhận số báo danh ⑦ Nộp hồ sơ gốc

ĐỊA CHỈ NỘP HỒ SƠ BẢN GỐC

Korean: [48520] 부산광역시 남구 신선로 428 동명대학교 국제교류팀(17번 건물 304호) 대학원 입시담당자

English: Graduate School Admissions Officer, Room 304, Building 17, Tongmyong University, 428 Sinseon-ro, Nam-gu, Busan, Republic of Korea (Zip Code: 48520)

NHỮNG LƯU Ý KHI NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NHẬP HỌC

- Trường hợp đến nộp hồ sơ trực tiếp, văn phòng trường sẽ không tiếp nhận hồ sơ vào cuối tuần, ngày nghỉ lễ hoặc ngoài giờ làm việc quy định. Trong trường hợp gửi thư, bưu kiện và chuyển phát qua đường bưu điện, chỉ chấp nhận hồ sơ được gửi đến trong thời gian nhận hồ sơ đã quy định. Nếu hồ sơ được gửi đến khi đã hết hạn nộp, hồ sơ sẽ không được chấp nhận.
- Trường hợp hồ sơ bị thiếu, nếu không nộp bổ sung trong thời gian quy định thì hồ sơ sẽ bị loại khỏi danh sách xét tuyển.

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TIẾNG HÀN
[Korean Language Program]

1. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NHẬP HỌC

NỘI DUNG	HỌC KỲ MÙA XUÂN	HỌC KỲ MÙA HÈ	HỌC KỲ MÙA THU	HỌC KỲ MÙA ĐÔNG
Nộp hồ sơ đăng ký nhập học	2026.12.14.(thứ 2) ~ 12.31.(thứ 5)	2027.3.15.(thứ 2) ~ 3.31.(thứ 4)	2027.6.14.(thứ 2) ~ 6.30.(thứ 4)	2027.9.13.(thứ 2) ~ 9.30.(thứ 5)
Xét duyệt hồ sơ	2027.1.4.(thứ 2) ~ 1.8.(thứ 6)	2027.4.1.(thứ 5) ~ 4.5.(thứ 2)	2027.7.1.(thứ 5) ~ 7.5.(thứ 2)	2027.10.1.(thứ 6) ~ 10.6.(thứ 4)
Phỏng vấn	2027.1.11.(thứ 2) ~ 1.13.(thứ 4)	2027.4.6.(thứ 3) ~ 4.8.(thứ 5)	2027.7.6.(thứ 3) ~ 7.8.(thứ 5)	2027.10.7.(thứ 5) ~ 10. 8.(thứ 6)
Thông báo trúng tuyển	2027.1.15.(thứ 6)	2027.4.9.(thứ 6)	2027.7.9.(thứ 6)	2027.10.12.(thứ 3)
Người trúng tuyển nộp học phí	2027.1.18.(thứ 2) ~ 1.20.(thứ 4)	2027.4.12.(thứ 2) ~ 4.16.(thứ 6)	2027.7.12.(thứ 2) ~ 7.16.(thứ 6)	2027.10.13.(thứ 4) ~ 10.18.(thứ 2)
Thời gian đào tạo	2027.3.2.(thứ 3) ~	2027.6.1.(thứ 3) ~	2027.9.1.(thứ 4) ~	2027.12.1.(thứ 4) ~

* Lịch trình có thể thay đổi tùy theo tình hình của trường và tiến độ tuyển sinh (mọi thay đổi sẽ được thông báo trên website của trường).

2. VẬN HÀNH GIẢNG DẠY TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TIẾNG HÀN

Học kỳ	10 tuần	**Tổng số giờ học**	200 giờ (từ thứ 2 ~ thứ 6, mỗi ngày 4 giờ)
Học phí	1,200,000krw/học kỳ (không bao gồm phí giáo trình)	**Số lượng sinh viên của mỗi lớp**	Dưới 19 sinh viên
Thời gian học	Lớp buổi sáng 09:00 ~ 13:00, Lớp buổi chiều 13:00 ~ 17:00		
Các cấp bậc lớp học	Từ cấp 1 đến cấp 6 theo năng lực tiếng Hàn, phân lớp dựa theo kết quả bài test kiểm tra phân loại (những sinh viên chưa có kiến thức cơ bản về tiếng Hàn sẽ được xếp vào lớp sơ cấp 1)		
Tiêu chuẩn đánh giá hoàn thành khóa học	Tiêu chuẩn để đánh giá hoàn thành khóa học là điểm thi trên 70 điểm, tỷ lệ chuyên cần trên 80%, trường hợp sinh viên không đáp ứng được yêu cầu về điểm và tỷ lệ chuyên cần sẽ bị ở lại lớp và học lại (thời gian học của chương trình đào tạo tiếng Hàn tối đa là 2 năm)		
Khác	Trải nghiệm văn hóa, các buổi giảng dạy đặc biệt, tư vấn sinh viên v.v.		

3. PHÍ XÉT DUYỆT HỒ SƠ/HỌC PHÍ

*** Nội dung dưới đây có thể thay đổi tùy theo tình hình của trường.**

PHÍ XÉT DUYỆT HỒ SƠ **50,000krw** (đã bao gồm trong hóa đơn yêu cầu nộp tiền học phí, phí xét duyệt hồ sơ đã nộp sẽ không được hoàn trả lại)

HỌC PHÍ **1,200,000krw**

4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ XÉT TUYỂN NHẬP HỌC

NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NHẬP HỌC - NỘP TRỰC TIẾP/GỬI HỒ SƠ QUA BƯU ĐIỆN

- Địa chỉ nộp hồ sơ :
KOREAN: [48520] 부산광역시 남구 신선로 428 동명대학교 국제교류팀(17번 건물 304호)
ENGLISH: Room 304, Building 17, Tongmyong University, 428 Sinseon-ro, Nam-gu, Busan, Republic of Korea [Zip code: 48520]

YẾU TỐ ĐÁNH GIÁ VÀ TỈ LỆ ĐÁNH GIÁ

YẾU TỐ ĐÁNH GIÁ	TỈ LỆ ĐÁNH GIÁ	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ	50% (50 điểm)	Đánh giá toàn diện dựa trên các hồ sơ năng lực ngôn ngữ, điểm học tập và các hồ sơ liên quan khác do người nộp đơn nộp.
ĐÁNH GIÁ PHỎNG VẤN	50% (50 điểm)	Tiến hành đánh giá thông qua nộp video.

TIÊU CHUẨN TUYỂN CHỌN

1. Việc tuyển chọn dựa trên tổng điểm đánh giá thẩm tra hồ sơ. Tuy nhiên, trong trường hợp bị đánh giá là không đạt đủ trình độ năng lực học tập cần thiết thì có thể bị từ chối và không được tuyển chọn.
2. Tiêu chí xử lý trường hợp có cùng điểm xét tuyển: Tất cả các thí sinh có cùng điểm xét tuyển đều được tuyển chọn.
3. Trường hợp sơ ứng tuyển nộp không đầy đủ hoặc bị phát hiện làm giả, có nội dung không đúng sự thật thì hồ sơ sẽ bị loại.

QUY TRÌNH XÉT TUYỂN VÀ NHẬP HỌC

① Nộp hồ sơ đăng ký nhập học
- Nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc đến trực tiếp

② Thẩm tra hồ sơ và phỏng vấn
* Phỏng vấn (qua zoom hoặc nộp video)

③ Thông báo trúng tuyển
④ Nộp học phí
⑤ Cấp giấy báo nhập học (COA)

⑥ Xin visa
⑦ Nhập học
(nhận mã số sinh viên và phân lớp)








TONGMYONG UNIVERSITY

YOUR DREAM, YOUR UNIVERSITY.

TONGMYONG UNIVERSITY

CONTACT US

+82 51 629 3011
Undergraduate

+82 51 629 3012
Postgraduate

+82 51 629 3018
Korean Language

tuapply@tu.ac.kr

FOLLOW US

Facebook	tuOIA1996
Instagram	@tu_global
YouTube	Tongmyong University TU Global
Weibo	东明大学

The Office of International Affairs
Room 304, Building 17, Tongmyong University,
428 Sinseon-ro, Nam-gu, Busan, Republic of Korea
Postcode 48520

TU_GLOBAL

facebook

www.tu.ac.kr